

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NINH



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2012

Hạ long, tháng 03 năm 2013

Tel: (084) 333 841 640 - Fax (084) 333 841 643

Email: info@qncc.com.vn;

Website: www.qncc.com.vn

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Cái Lân - Giếng dáy - TP Hạ Long - Tỉnh Quảng Ninh

SO: 12/BC-HDQT

Hạ Long, ngày 28 tháng 03 năm 2013

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ XÂY DỰNG QUẢNG NINH
Năm báo cáo: 2012**

I. THÔNG TIN CHUNG:

1. Thông tin khái quát

- **Tên tiếng việt:** Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.
- **Tên tiếng anh:** Quang Ninh Contruction and Cement Joint Stoch Company.
- **Tên viết tắt:** QNCC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Ngày 28/03/2005 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 22.03.000388, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 26/2/2010 số: 5700100263, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 30/06/2011.
- **Vốn điều lệ: 184.511.090.000 đồng.**
- **Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 184.511.090.000đ**
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Cái Lân, Phường Giếng Đáy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.
- Số điện thoại: 0333.841640/0333.841651
- Số fax: 0333.841643
- Website: www.qncc.com.vn
- Mã cổ phiếu: **QNC**, Ngày 10/01/2008 Cổ phiếu của Công ty chính thức niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX), Ngày giao dịch đầu tiên: 17/01/2008.

2. Quá trình hình thành và phát triển:

- Tiền thân thành lập là Xí nghiệp Than Uông Bí từ năm 1985.
- Ngày 22/01/1997 tại Quyết định số 262/QĐ-UB của UBND Tỉnh Quảng Ninh Sáp nhập Xí nghiệp Xây dựng Uông bí vào Xí nghiệp Than Uông bí thành lập Công ty Xi măng và Xây dựng Uông Bí.
- Ngày 11/04/1998 tại Quyết định số 1125/QĐ-UB của UBND Tỉnh Quảng Ninh Sáp nhập Công ty Xi măng Quảng Ninh vào Công ty Xi măng và Xây dựng Uông Bí thành lập Công ty Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.
- Ngày 04/02/2005 tại Quyết định số 497/QĐ-UB của UBND tỉnh Quảng Ninh Phê duyệt cổ phần hoá. Tên công ty được thay đổi thành: Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh:
 - Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao
 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.

- Sản xuất sản phẩm chịu lửa
- Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét
- Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy
- Bốc xếp hàng hóa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
- Sửa chữa máy móc, thiết bị
- Sửa chữa thiết bị điện
- Sửa chữa thiết bị khác
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
- Thoát nước và xử lý nước thải
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh
- Khai thác và thu gom than non
- Khai thác và thu gom than cứng
- Khai thác và thu gom than bùn
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
- Xây dựng nhà các loại
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
- Xây dựng công trình công ích
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác
- Chuẩn bị mặt bằng
- Lắp đặt hệ thống điện
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác
- Hoàn thiện công trình xây dựng
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao
- Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu

Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
 - Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
 - Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
 - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
 - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
 - Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động
 - Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)
 - Dịch vụ ăn uống khác
 - Dịch vụ phục vụ đồ uống
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
 - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
 - Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy
 - Nuôi trồng thủy sản biển, Nuôi trồng thủy sản nội địa
 - Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bì.....
- Địa bàn kinh doanh chính: Thành phố Uông Bí, Thành phố Hạ Long thuộc tỉnh Quảng Ninh.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Cơ cấu tổ chức của Công ty:

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra HĐQT của Công ty, HĐQT là cơ quan quản lý cao nhất giữa hai kỳ đại hội cổ đông, có trách nhiệm quản lý và tổ chức thực hiện các nghị quyết của đại hội cổ đông cùng kỳ, có toàn quyền nhân danh công ty, thay mặt cổ đông để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông được quy định trong Điều lệ của Công ty.

Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra và chịu trách nhiệm trước các cổ đông và pháp luật về những kết quả công việc của Ban kiểm soát với Công ty

Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty bao gồm: Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc điều hành, ba phó Tổng giám đốc và một Kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm, là cơ quan tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu, định hướng chiến lược và kế hoạch mà HĐQT và Đại hội đồng cổ đông đã thông qua.

* Tổ chức bộ máy của Công ty hiện nay được phân chia theo chức năng gồm:

- 10 phòng ban nghiệp vụ Công ty.
- 12 đơn vị trực thuộc gồm:
 - + Nhà máy Xi măng Hà Tu;

- + Nhà máy Xi măng Lam Thạch;
- + Nhà máy Xi măng Lam Thạch II.
- + Xí nghiệp Than Uông Bí;
- + Xí nghiệp Than Đông Triều.
- + Xí nghiệp xây dựng Uông Bí;
- + Xí nghiệp xây dựng Hạ Long;
- + Xí nghiệp xây dựng Móng Cái.
- + Xí nghiệp đá Uông Bí.
- + Xí nghiệp Thi công cơ giới.
- + Khách sạn Hồng gai.
- + Đội cơ giới Công ty
- * Công ty cổ phần thành viên:
 - + Công ty cổ phần Hải Long;
 - + Công ty cổ phần gốm xây dựng Thanh Sơn;
 - + Công ty cổ phần Phương Mai;
- + Mô hình quản trị được thực hiện theo các quy định:
 - Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;
 - Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;
 - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010;
 - Nghị định 102/2010/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2010 của Chính phủ hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp;
 - Điều lệ và quy chế quản trị Công ty theo quy định tại Thông tư 121/2012/TT-BTC ngày 26/7/2012 của Bộ Tài chính quy định về quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty đại chúng;
 - Các quy định pháp luật của Nhà nước.

+ Các công ty con, công ty liên kết:

Số TT	Tên đơn vị	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ (đồng)	Tỷ lệ sở hữu của Công ty (%)	Quyền biểu quyết của công ty mẹ
I	Công ty con					
1	Công ty Cổ phần Phương Mai Quảng Ninh	Phường Phương Nam, Uông bí, QN	Sản xuất và chế biến đá các loại, kinh doanh vật tư xây dựng	4.216.419.903	36,91	Công ty mẹ có quyền quyết định mọi hoạt động của công ty Cổ phần Phương Mai Quảng Ninh
2	Công ty Cổ phần Bê tông Hải Long	KCN Cái Lân, Giếng Đáy, TP Hạ Long, QN	SX cấu kiện bê tông đúc sẵn, KD xây lắp hạ tầng, xử lý nền móng công	8.500.000.000	56,27	56,27

			trình công nghiệp, dân dụng...			
3	Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Thanh Sơn	Phường Thanh Sơn, Uông Bí, QN	Sản xuất vật liệu xây dựng, kinh doanh vật tư, xây dựng	9.952.336.013	38,09	Công ty mẹ có quyền quyết định mọi hoạt động của công ty Cổ phần Gốm xây dựng Thanh Sơn.

4.2 Định hướng phát triển:

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

Công ty xác định mục tiêu chiến lược sản xuất kinh doanh là:

- + Tập trung mọi nguồn lực để nâng cao năng lực sản xuất sản phẩm, giữ vững sự tăng trưởng ổn định sản xuất, đảm bảo năng suất, chất lượng, hiệu quả, mở rộng thị trường và đa dạng các kênh tiêu thụ sản phẩm.
- + Đầu tư phát triển các lĩnh vực có lợi thế đủ sức cạnh tranh trên thị trường mang lại kinh tế cao.
- + Xây dựng Công ty trở thành một doanh nghiệp phát triển và hoạt động hiệu quả trong Vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 05/05/2010, nhiệm vụ của Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2010 - 2015 cụ thể:

- Tốc độ tăng trưởng hàng năm đạt từ 10 - 15%
- Về doanh thu từ năm 2010 đến năm 2015 tăng từ 10 - 15% năm
- Cổ tức chia cho cổ đông: 25% trở lên.
- Thu nhập bình quân tăng từ 10% năm trở lên.
- Thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, quản lý chặt chẽ chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001 - 2008.
- Bảo đảm môi trường trong SXKD và an toàn trong lao động
- Bảo toàn nguồn vốn chủ sở hữu, tăng nguồn vốn từ lợi nhuận để lại.
- Thực hiện kế hoạch phát hành cổ phần tăng vốn Điều lệ từ 170,9 tỷ đồng, theo lộ trình đến năm 2015 vốn Điều lệ đạt mức 500 tỷ đồng
- Tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công các hạng mục công việc phân đấu cuối năm 2011 đưa Dự án cảng biển Cái lân và Dự án bổ sung công đoạn nghiền xi măng công suất 140 tấn/h vào hoạt động kinh doanh.
- Tăng cường hoạt động kinh doanh thương mại, khách sạn, nhà hàng, vận tải, kho vận nhằm khai thác tốt mọi tiềm năng thế mạnh của Công ty.
- Tiếp tục lựa chọn lộ trình hợp lý để hoàn thiện việc đầu tư các dự án hạ tầng khu dân cư và triển khai các dự án mang lại hiệu quả kinh tế cao như:
 - * Dự án đầu tư xây dựng khu tự xây tại xã Phương Nam - Uông Bí
 - * Dự án khu đô thị Đông Yên Thanh thị xã Uông Bí - Quảng Ninh.
 - * Dự án khu trung tâm thương mại Cầu sến Phương Đông, Uông Bí.
 - * Dự án khu đô thị tại xã Phương Nam, Uông Bí - Quảng Ninh
 - * Dự án Nhà máy phát điện nhiệt dư của dây chuyền NM Xi măng Lam Thạch II.

c) Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty.

Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của QNCC thường xuyên tham gia các chương trình ủng hộ từ thiện, giáo dục... khẳng định trách nhiệm với cộng đồng góp phần hướng tới sự phát triển bền vững của xã hội.

d) Các rủi ro:

Quản lý rủi ro của Công ty. Công ty cũng đã phân loại quản lý rủi ro để đảm bảo cho sự hoạt động liên tục không ảnh hưởng lớn đến quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài ra Công ty cũng đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro. Cụ thể là:

+ Rủi ro thị trường: Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất vay vốn.

+ Rủi ro về tỷ giá hối đoái: Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

+ Rủi ro về lãi suất: Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

☞ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Năm 2012, một năm tác động của nền kinh tế đã ảnh hưởng sâu rộng, trực tiếp đến nền kinh tế và đến hoạt động của hầu hết các doanh nghiệp, khó khăn trong việc tiếp cận đến các nguồn vốn, giá cả vật tư, nguyên nhiên vật liệu, lãi suất ngân hàng tăng cao, thời tiết khắc nghiệt, đặc biệt là giá nhiên liệu tăng đột biến, sự cắt giảm đầu tư công của Chính phủ, thị trường xi măng dư thừa, thị trường tiêu thụ xi măng sụt giảm mạnh. Nhưng bằng sự nỗ lực, sáng tạo và đầy trách nhiệm của tập thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh (QNCC) đã nỗ lực phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức, giữ vững ổn định sản xuất. Với mục tiêu đề ra trong năm 2012, Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh đã tập trung đẩy mạnh ổn định sản xuất, kết hợp khai thác hiệu quả hơn nguồn lực hiện tại; đồng thời rà soát, lập kế hoạch triển khai một số lĩnh vực trọng tâm khác, tập trung cao cho công tác tiêu thụ sản phẩm, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh đồng thời tăng cường chỉ đạo, điều hành đúng tiến độ, chất lượng các dự án, các công trình trọng điểm trong kế hoạch phát triển.

☞ **Tình hình thực hiện so với kế hoạch:**

TT	Chỉ Tiêu	VT	K T QU N M 2012	SO S NH K T QU (%)	
				KẾ HOACH NĂM	CÙNG KỲ NĂM TR- ƯỚC
A	Chỉ tiêu sản xuất				
I	Tổng SX Xi măng + Clinker	Tấn	971.033	100,1%	91,9%
1	Nhà máy xi măng Lam Thạch	Tấn	95.325	100,3%	69,4%
2	Nhà máy Xi măng Hà Tu	Tấn	27.836	92,8%	49,1%
3	Nhà máy xi măng Lam Thạch II	Tấn	847.871	100,3%	98,3%
*	<i>Nung Clinker (Dây chuyên I)</i>	<i>tấn</i>	383.097		
*	<i>Nung Clinker (Dây chuyên II)</i>	<i>tấn</i>	415.916		
*	<i>Nghiền Xi măng PCB30</i>	<i>tấn</i>	74.948		
*	<i>Nghiền xi măng PCB 40</i>	<i>tấn</i>	217.533		
II	Sản xuất than các loại	Tấn	374.549	111,98%	110,4%
1	Xí nghiệp Than Uông Bí	<i>tấn</i>	275.194	107,9%	106,4%
2	Xí nghiệp Than Đông Triều	<i>tấn</i>	99.535	124,2%	123,4%
III	Sản xuất đá các loại	M3	1.070.833		
1	<i>Xí nghiệp Đá - Uông Bí</i>	<i>m3</i>	826.652	103,3%	98,3%
2	<i>Công ty Cổ phần Phương Mai</i>	<i>m3</i>	244.181		
IV	Sản xuất Gạch Tuynel	Viên	20.979.030	79,5%	88,00%
V	Sản lượng san gạt, bốc xúc, vận chuyển đất đá, khoan	M3	5.047.778	108,6%	118,6%
1	<i>Xí nghiệp Thi Công cơ giới</i>	<i>m3</i>	4.688.377	111,6%	120%
2	<i>Đội Cơ giới Công ty</i>	<i>m3</i>	359.400		
VI	Giá trị bốc xúc vận chuyển, san gạt đất đá, xây lắp và kinh doanh Cơ sở hạ tầng	Đồng	312.457.330.578	101,4%	84,3%
1	Giá trị san gạt, bốc xúc vận chuyển đất đá, khoan	<i>đồng</i>	232.158.654.578	111,6%	110,6%
*	<i>Xí nghiệp Thi công cơ giới + Khoan</i>	<i>đồng</i>	222.310.600.612		
*	<i>Đội Cơ giới Công ty</i>	<i>đồng</i>	9.848.053.966		
2	Giá trị xây dựng, lắp máy và KDCSHạ Tầng	Đồng	80.298.676.000	80,3%	49,9%
*	<i>Xí nghiệp Xây dựng Uông Bí</i>	<i>đồng</i>	60.638.676.000		

*	<i>Xí nghiệp xây dựng Móng Cái</i>	<i>đồng</i>	1.100.000.000		
*	<i>Xí nghiệp xây dựng Hạ long</i>	<i>đồng</i>	18.560.000.000		
B	Tiêu thụ sản phẩm				
I	Tổng Tiêu thụ xi măng + Clinker các loại	Tấn	968.375	100,3%	94,5%
1	Tổng Tiêu thụ xi măng các loại :	Tấn	377.937	103,5%	73,9%
*	<i>Xi măng bao PCB-30</i>	<i>tấn</i>	158.102		
*	<i>Xi măng bao PCB 40</i>	<i>tấn</i>	103.449		
*	<i>Xi măng PCB 40 rời</i>	<i>tấn</i>	109.267		
*	<i>Xi măng PCB 30 rời</i>	<i>tấn</i>	7.118		
2	Tổng tiêu thụ Clinker các loại	Tấn	590.437	98,4%	115%
II	Tiêu thụ than các loại	Tấn	345.990	106,5%	100,7%
1	Xí nghiệp Than Uông Bí	<i>tấn</i>	253.543		
2	Xí nghiệp Than Đông Triều	<i>tấn</i>	92.446		
III	Tiêu thụ đá các loại	M3	1.070.833		
1	Xí nghiệp Đá Uông Bí	m3	826.652		
2	Công ty Cổ phần Phương Mai	m3	244.181		
IV	Tiêu thụ Gạch Tuynel	Viên	18.059.132	73%	87,2%
C	Tổng doanh Thu	Đồng	1.600.004.346.826	108,47	98,11
1	Doanh thu Công ty xi măng	Đồng	1.497.073.481.461	106,93	96,10
*	<i>Doanh thu xi măng+ Clinker</i>	Đồng	712.804.336.867	95,55	96,97
*	<i>Doanh thu Than</i>	Đồng	298.576.499.300	138,55	126,18
*	<i>Doanh thu Xí nghiệp Đá Uông Bí</i>	Đồng	38.369.895.938	109,63	111,71
*	<i>Doanh thu thi công cơ giới, vận chuyển bốt xúc, xây lắp</i>	Đồng	282.247.829.657	148,55	114,51
*	<i>Doanh Thu Khác</i>	Đồng	165.074.919.699	77,32	54,07
2	Doanh thu các công ty CP thành viên (Công ty con)	Đồng	102.930.865.365	137,24	140,91
-	Công ty cổ phần đá Phương Mai	Đồng	17.319.993.220	86,60	91,00
-	Công ty cổ phần Hải Long	Đồng	66.814.794.267	205,58	231,93
-	Công ty CP gốm XD Thanh Sơn	Đồng	18.796.077.878	83,54	74,57
D	Tổng nợ ngân sách	Đồng	35.497.016.575	197,21	63,26
	Trong đó: Tổng nợ ngân sách công ty CP xi măng	Đồng	29.622.798.878	164,57	59,49

2. Tổ chức và nhân sự

** Danh sách Ban điều hành:*

1. Ông: Cao Quang Duyệt – Chủ tịch HĐQT Công ty
1. Ông: Đinh Đức Hiền - Tổng giám đốc Công ty.
2. Ông: Phan Ngô Chứ - Phó tổng giám đốc Công ty.
3. Ông: Phạm Văn Điện - Phó tổng giám đốc Công ty.
4. Ông: Linh Thế Hưng - Phó tổng giám đốc Công ty.
5. Bà: Đặng Thu Hương - Kế toán Trưởng Công ty.

*** Tóm tắt lý lịch các cá nhân trong Ban điều hành Công ty:**

1. Ông: Cao Quang Duyệt

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

Giới tính: Nam

Sinh ngày 17 tháng 08 năm 1947.

Quê quán: Hoa Lư – Đông Hưng – Thái Bình

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND số: 100626747

Trình độ văn hóa: 10/10

Số điện thoại cơ quan: 033. 3841 648

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ

Quá Trình công tác:

* 01/1965 đến 5/1967: tổ trưởng sản xuất Mỏ than Vàng Danh.

* 06/1967 đến 11/1968: Thực tập sinh tại Liên xô cũ.

* 12/1968 đến 9/1974 : Phó quản đốc, Đảng ủy viên Mỏ than Vàng Danh.

* 10/1974 đến 8/1982: Theo học tại trường bổ túc văn hóa Trung ương và Trường Đại học Mỏ địa chất Hà Nội.

* 09/1984 đến 5/1986: Thường trực Đảng uỷ Mỏ Than Vàng Danh.

* 06/1988 đến tháng 06/1988: Học viên Trường Đảng cao cấp.

* 07/1988 đến tháng 05/1990: Phó giám đốc xí nghiệp than Uông Bí.

* 06/1990 đến tháng 12/1996: Giám đốc xí nghiệp Than Uông Bí.

* 01/1997 đến tháng 03/1998: Giám đốc Công ty XM và Xây dựng Uông Bí.

* 04/1998 đến tháng 03/2005: Bí thư Đảng Ủy, Giám đốc Công ty Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

* 04/2005 đến tháng 05/2010: Bí thư Đảng Ủy, Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

* Từ tháng 06/2010 đến nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

2. Ông: Đinh Đức Hiền:

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Tổng giám đốc Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

Giới tính: Nam

Sinh ngày 14 tháng 01 năm 1956.

Quê quán: Hiệp hòa – Yên Hưng – Quảng Ninh

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND: 100003873

Địa chỉ thường trú: Trung Vương – Uông bí – Quảng Ninh

Số điện thoại cơ quan: 033.3841 656

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

- *Quá trình công tác:*

* Từ tháng 04/1975 đến tháng 04/1976: Thực tập sinh tại Thiên tân Trung Quốc.

* Từ tháng 05/1980 đến tháng 04/1985: Sinh viên Trường Đại học XD Hà Nội.

* Từ tháng 05/1985 đến tháng 09/1994 : Cán bộ kỹ thuật Ban quản lý công trình Sở xây dựng Quảng Ninh, Phó trưởng phòng kinh tế kế hoạch Công ty xây dựng Nhà ở Uông Bí.

* Từ tháng 10/1994 đến tháng 10/1996: Phó Giám đốc, Ủy viên Ban chấp hành Đảng ủy Công ty xây dựng nhà ở Uông Bí.

* Từ tháng 11/1996 đến tháng 03/1997: Phó Giám đốc Công ty kinh doanh nhà ở Quảng Ninh.

* Từ tháng 04/1997 đến tháng 03/1998: Phó giám đốc Công ty xi măng và xây dựng Uông Bí.

* Từ tháng 04/1998 đến tháng 03/2005: Phó giám đốc Công ty Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

* Từ tháng 04/2005 đến tháng 05/2010: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

* Từ tháng 06/2010 đến nay: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

3. Ông: Phạm Văn Điện

Chức vụ hiện tại: Ủy viên HĐQT, Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 25/02/1960

Quê quán: Hưng đạo – Chí Linh – Hải Dương.

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND: 100740561

Địa chỉ thường trú: C8 ngõ 156 Lạc Trung, Phường thanh lương-Hai Bà Trưng -Hà Nội

Số điện thoại cơ quan: 033.3819 089

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

- *Quá trình công tác:*

* Từ tháng 01/1990 đến tháng 04/1992: Tiểu đoàn trưởng

* Từ tháng 05/1992 đến tháng 02/1997: Phó giám đốc Xí nghiệp xây dựng Uông Bí.

* Từ tháng 03/1997 đến tháng 07/2009: Giám đốc Xí nghiệp xây dựng Uông Bí.

* Từ tháng 08/2009 đến nay: Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

4. Ông: Phan Ngô Chứ

Chức vụ hiện nay: Phó Tổng Giám đốc công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh

Giới tính: Nam

Ngày/tháng/năm sinh: 02/02/1958
Quê quán: Vũ Chính – Vũ Thư – Thái Bình
Quốc tịch: Việt Nam
CMTND: 100786565
Địa chỉ thường trú: Thanh Sơn – Uông bí – Quảng Ninh
Số điện thoại cơ quan: 033.3841 646
Trình độ văn hóa: 10/10
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư khai thác mỏ hầm lò

- *Quá trình công tác:*

* Từ tháng 12/1988 đến tháng 12/1989: Cán bộ phòng thiết kế Công ty Than Uông Bí - Phó Ban kỹ thuật mỏ Trường CNKT mỏ Việt Xô.

* Từ tháng 01/1990 đến tháng 12/1996: Trưởng phòng Kỹ thuật xí nghiệp Than Uông Bí - Phó ban quản lý công trình Nhà máy xi măng Lam Thạch

* Từ tháng 01/1997 đến tháng 10/1997: Giám đốc Nhà máy Xi măng Lam Thạch.

* Từ tháng 11/ 1997 đến tháng 09/2001: Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty Xi măng và xây dựng Quảng Ninh.

* Từ tháng 10/2001 đến tháng 03/2005: Phó Giám đốc Công ty Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

* Từ tháng 04/2005 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh.

5. Ông: Linh Thế Hưng

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc công ty CP Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

- Giới tính: Nam – Quốc tịch: Việt Nam

- Ngày tháng năm sinh: 25/01/1958

- Địa chỉ thường trú: Khu 9 - Phường Bãi Cháy - TP Hạ Long - Quảng Ninh

- Trình độ văn hóa: 10/10

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

- Trình độ lý luận: Cao cấp lý luận

+ *Quá trình công tác:*

- Từ năm 1977 đến năm 1983: Cán bộ kỹ Thuật - Viện Thiết kế kiến trúc Quảng Ninh.

- Từ năm 1983 đến năm 1985: Cán bộ Kỹ thuật - Công ty Xây dựng Số 2 Quảng Ninh.

- Từ năm 1985 đến năm 1987: Phó phòng nghiệp vụ - Trường công nhân Kỹ thuật xây dựng Quảng Ninh.

- Từ năm 1987 đến năm 1995: Đội trưởng Thi công - Công ty xây dựng Uông Bí Quảng Ninh.

- Từ năm 1995 đến năm 1998: Phó ban quản lý dự án - Xí nghiệp than Uông Bí.

- Từ năm 1998 đến năm 2000: Trưởng phòng Kỹ thuật xây dựng - Công ty Xi măng và xây dựng Quảng Ninh.

- Từ năm 2000 đến năm 2007: Giám đốc Xí nghiệp xây dựng Hạ Long - Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh.

- Từ năm 2007 đến năm 2009: Giám đốc Xí nghiệp xây dựng Móng Cái – Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh.

- Từ năm 2009 đến tháng 6/2010: Giám đốc Công ty cổ phần xây dựng Phương Nam 135.

- Từ tháng 6 năm 2010 đến nay: Giữ chức vụ:

+ Thành viên HĐQT; Phó tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh.

+ Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng - Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh.

6. Bà: Đặng Thu Hương

Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh

Giới tính: Nữ

Sinh ngày 11/03/1968

Quê quán: Kim Sơn – Đông Triều – Quảng Ninh

Quốc tịch: Việt Nam

CMTND: 100471770

Địa chỉ thường trú: Quang Trung – Uông Bí – Quảng Ninh.

Số điện thoại cơ quan: 033.3841 655

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- *Quá trình công tác:*

* Từ tháng 12/1986 đến 10/1987: Nhân viên Xí nghiệp xây dựng Thủy lợi II Yên Hưng, Quảng Ninh.

* Từ tháng 11/1987 đến 03/1995: Nhân viên Công ty xây dựng Nhà ở Uông Bí – Quảng Ninh.

* Từ tháng 04/1995 đến tháng 01/1997: Nhân viên Xí nghiệp than Uông Bí.

* Từ tháng 02/1997 đến tháng 04/2005: Nhân viên phòng kế toán Công ty xi măng và xây dựng Quảng Ninh.

* Từ tháng 05/2005 đến tháng 11/2011: Phó phòng kế toán Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh

* Từ tháng 12/2011 đến nay: Kế toán Trưởng Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh.

*** Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành tính đến ngày 31/12/2012.**

TT	TÊN TỔ CHỨC CÁ NHÂN	Tài khoản giao dịch chứng khoán	Chức vụ tại Công ty	SỐ CMT			SL cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Địa chỉ
				Số	Ngày cấp	Nơi cấp			
1	2	5	6	7	8	9	10	11	12
1	Cao Quang Duyệt	058C148888	Chủ tịch HĐQT	100626747	1/1/2004	CA Quảng Ninh	579,491	3.14%	SN 376- Quang Trung-Uông Bí-Quảng Ninh
2	Đình Đức Hiền	058C256689	TV HĐQT, TGD Công ty	100003873	30/07/1998	CA Quảng Ninh	430,586	2.33%	Trung Vương-Uông Bí-Quảng Ninh
3	Phạm Văn Điện	058C167888	TV HĐQT, PTGD Công ty	100740561	13/05/2002	CA Quảng Ninh	226,325	1.23%	Xí nghiệp xây dựng Uông Bí

4	Đào Thị Đàm	058C023888	TV HĐQT	141504175	1/8/2006	CA Hải Dương	199,153	1.08%	Minh Tân-Kinh Môn-Hải Dương
5	Linh Thế Hưng	058C134686	TV HĐQT, PTGD Công ty	100019261	22/03/2006	CA Quảng Ninh	179,274	0.97%	Bãi Cháy - Hạ Long - Quảng Ninh
6	Nguyễn Trường Giang	058C001435	TV HĐQT	100529623	21/10/2003	CA Quảng Ninh	144,926	0.79%	Yên Thanh-Uông Bí-Quảng Ninh
7	Hoàng Văn Thụy	058C599899	Trưởng ban Kiểm soát	100084656	13/6/1987	CA Quảng Ninh	73,958	0.40%	Thanh Sơn-Uông Bí-Quảng Ninh
8	Trần Quang Tịnh	058C225568	TV Ban kiểm soát	100014416	3/3/2009	CA Quảng Ninh	14,791	0.08%	Quang Trung-Uông Bí-Quảng Ninh
9	Nguyễn Ngọc Anh	058C001504	TV Ban kiểm soát	141970183	9/6/1997	CA Quảng Ninh	20,240	0.11%	Quang Hanh, Cẩm phả, Quảng Ninh
10	Phan Ngô Chứ	058C001788	Phó TGD Công ty	100786565	7/4/2000	CA Quảng Ninh	28,408	0.15%	Khu 6-Thanh Sơn-Uông Bí-Quảng Ninh
11	Đặng Thu Hương	058C110368	Kế toán trưởng Công ty	100471770	01/09/2006	CA Quảng Ninh	21,970	0.12%	Quang Trung-Uông Bí-Quảng Ninh

* **Những thay đổi trong ban điều hành:** Không

* **Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động**

+ *Cơ cấu lao động:*

Tổng số người lao động trong Công ty tính đến ngày 31/12/2012 là: 2.938 người

Trong đó cơ cấu theo trình độ lao động như sau:

STT	Trình độ lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Trình độ Thạc sỹ	10	0,003%
2	Trình độ Đại học	377	0,12
3	Trình độ Cao đẳng và Trung cấp	345	0,11
4	Công nhân kỹ thuật	1.977	67,29
5	Lao động phổ thông	229	17,78

+ *Chính sách đối với người lao động:*

Công ty xác định nguồn nhân lực là nền tảng cho sự phát triển, do vậy các cán bộ công nhân viên của Công ty đều được đào tạo đầy đủ, Công ty thường xuyên tổ chức các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ, nâng cao tay nghề cho công nhân, thợ vận hành, hàng năm tổ chức hội thi tay nghề, nghiệp vụ nhằm khuyến khích động viên tinh thần học tập, nâng cao trình độ tay nghề của công nhân lao động. Đối với cán bộ quản lý công ty tổ chức các lớp đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý cho cán

bộ và mời các chuyên gia có kinh nghiệm và giảng viên của các trường đại học lên lớp.

Công ty có các chính sách quan tâm, đãi ngộ thỏa đáng nhằm khuyến khích động viên người lao động như:

- + Hàng năm có trên 40% người lao động được đi thăm quan nghỉ mát.
- + Hàng năm được nghỉ phép theo tiêu chuẩn và được công thêm ngày nghỉ thâm niên theo quy định của Bộ Luật lao động.
- + Hàng năm Công ty đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động.
- + Việc trích nộp Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và Bảo hiểm xã hội cho người lao động luôn được Công ty thực hiện tốt theo quy định.
- + Công ty thực hiện chế độ làm việc 40h/tuần. Thực hiện việc trích bồi dưỡng và chế độ ăn ca, chống nóng và tiền chè nước cho người lao động.
- + Tổ chức chế độ nghỉ điều dưỡng, phục hồi chức năng cho người lao động có sức khỏe từ loại III trở lên hoặc mới ốm dậy.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Trong năm qua trước tình hình kinh tế khó khăn, Công ty cũng đã thu hẹp các mảng đầu tư mới, chủ yếu đầu tư tiếp các dự án còn dở dang như DA Cầu cảng KCN Cái lân (TP Hạ Long - Quảng Ninh), DA nâng công suất dây chuyền nghiên xi măng (Uông Bí - Quảng Ninh), Mỏ than Đông Tràng Bạch (Uông Bí - Quảng Ninh)...

- Dự án mới được đầu tư trong năm:

+ Dự án đầu tư mở rộng Dây chuyền nghiên sàng đá số 3 - mỏ đá vôi Phương Nam tại Uông Bí - Quảng Ninh.

Tổng vốn đầu tư: 27.585.000.000đ,

Tiến độ dự án: Đến 31/12/2012 dự án đã hoàn thành 90% tiến độ công trình.

c) Các công ty con, công ty liên kết:

* Các công ty con .

☞ Tình hình sản xuất kinh doanh:

Năm 2012, nhìn chung các Công ty con cũng gặp nhiều khó khăn trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh. So với kế hoạch năm 2012 đã đề ra một số công ty cũng chưa hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch:

+ Doanh thu:

- Công ty Cổ phần Bê tông Hải Long: So với kế hoạch đạt 205,58%
- Công ty Cổ phần Phương Mai Quảng Ninh: So với kế hoạch đạt 86,59%
- Công ty Cổ phần Gốm xây dựng Thanh Sơn: So với kế hoạch đạt 83,53%

☞ Tình hình tài chính năm 2012

Chỉ tiêu	Công ty Cổ phần Bê tông Hải Long	Công ty CP Phương Mai	Công ty CP Gốm XD Thanh Sơn
Tổng giá trị tài sản	34.019.657.604	23.476.966.995	27.628.476.415
Doanh thu thuần	66.814.794.267	17.319.993.220	18.796.077.878
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.422.853.499	-2.432.533.316	121.463.264
Lợi nhuận khác	62.285.772	-55.587.231	-21.677.672

Lợi nhuận trước thuế	3.485.139.271	-2.488.120.547	99.785.592
Lợi nhuận sau thuế	3.275.631.485	-2.488.120.547	78.529.521
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	30%		

4. Tình hình tài chính của Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh năm 2011 và 2012.

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	2.173.899.759.711	2.322.972.323.240	+06,86
Doanh thu thuần	1.557.855.569.770	1.497.073.481.461	-03,90
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30.623.935.452	-2.903.088.002	-109,48
Lợi nhuận khác	5.896.952.943	10.681.269.275	+81,13
Lợi nhuận trước thuế	36.520.888.395	7.778.181.273	-78,70
Lợi nhuận sau thuế	26.532.346.995	4.504.106.287	-83,20
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	12%		

a) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn	1,110	1,001	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>TSLĐ - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	0,596	0,766	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,896	0,910	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	8,648	10,079	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân	3,380	3,147	

+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,717	0,644	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,017	0,003	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,118	0,021	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,012	0,002	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0,020	-0,002	
.....			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu (số liệu tính đến ngày 01/03/2013)

a) Cổ phần:

- Vốn điều lệ: 184.511.090.000, VND.
- Tổng số cổ phiếu: 18.451.109 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

- Cổ đông là cá nhân: 15.073.235 cổ phần chiếm 81,69% vốn điều lệ.
Trong đó: + Cá nhân Trong nước: 15.009.401 cổ phần chiếm 81,34% vốn điều lệ.
+ Cá nhân Nước ngoài: 63.834 cổ phần, chiếm 0,34% vốn điều lệ
- Cổ đông là tổ chức: 3.377.874 cổ phần, chiếm 18,30% vốn điều lệ
Trong đó: + Tổ chức Trong nước: 3.377.774 cổ phần. (Bao gồm Tổng công ty kinh doanh vốn Nhà nước SCIC: 3.280.201 cổ phần, chiếm 17,77% vốn điều lệ).
+ Tổ chức Nước ngoài: 100 cổ phần, chiếm 0,0005% vốn điều lệ.
- Tỷ lệ sở hữu của thành viên HĐQT và Thành viên Ban kiểm soát công ty nắm giữ 1.902.995 cổ phần chiếm 10,31% vốn điều lệ.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không:

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: tổng số cổ phiếu quỹ là 68.000 cổ phần; trong năm 2012 không thực hiện bất cứ giao dịch nào liên quan đến cổ phiếu quỹ.

e) Các chứng khoán khác: không.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2012, căn cứ chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 16/04/2012 thông qua, Ban Tổng giám đốc đã tiến hành triển khai thực hiện mục tiêu phương hướng hoạt động đã định, mặc dù tình hình kinh tế trong nước còn nhiều khó khăn do hậu quả của cuộc khủng hoảng kinh tế, nhưng cùng với sự nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và toàn thể CBCNV, trong năm qua hoạt động sản xuất kinh doanh của QNCC cơ bản đều đạt so với yêu cầu:

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

- Năm 2012 tình hình biến động tài sản đầu năm và cuối năm của Công ty không lớn. Cụ thể:

+ Tổng tài sản ngắn hạn tăng 62,02 tỷ so với đầu năm, tương ứng tăng 5,6% so với đầu năm.

Nguyên nhân do: Khoản phải thu của khách hàng tăng do Công ty đã và đang thi công một số công trình xây dựng cơ bản có nguồn vốn Ngân sách nhưng chưa thu hồi được công nợ.

- Về quản lý các khoản nợ phải thu, và các tài sản xấu: Công ty cũng đã có kế hoạch triển khai đồng bộ trong từng khâu về bán hàng và tiêu thụ sản phẩm. Nhìn chung các khoản nợ phải thu đều có nguồn gốc cụ thể, Không có các khoản nợ phải thu khó đòi.

b) Tình hình nợ phải trả

+ Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ.

Tổng nợ phải trả của Công ty đến 31/12/2012 là 2.113 tỷ đồng, tăng 8,45% so với đầu năm.

Trong đó: + Nợ ngắn hạn là 1.167,72 tỷ đồng, tăng 17,05% so với đầu năm.

+ Nợ dài hạn so với đầu năm giảm 0,57 % tương ứng với 5,4 tỷ đồng

+ Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

+ Trong năm tài chính 2012, chênh lệch tỷ giá là 1,17 tỷ đồng. tương ứng giảm 91,26% so với năm trước.

+ Chi phí tài chính cho hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2012 là 111,39 tỷ, bằng 64,43% so với cùng kỳ. Trong đó chi phí lãi vay giảm 26,36% so với năm 2011.

3.Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

+ Trong năm đã sáp nhập một số Phòng ban nghiệp vụ Công ty (sáp nhập Phòng Hành chính và Phòng Tổ chức lao động tiền lương, sáp nhập Phòng Xuất nhập khẩu vào Phòng Kế hoạch vật tư Công ty), đã bố trí sắp xếp, điều chuyển CBCNV từ các Phòng Ban nghiệp vụ Công ty xuống các đơn vị trực thuộc thành viên.

+ Rà soát và điều chỉnh các chi phí Hành chính và điều chỉnh cắt giảm 15% tiền lương đối với các chức danh từ Trưởng phòng ban nghiệp vụ Công ty trở lên.

+ Rà soát và thỏa thuận và thống nhất chấm dứt HĐLĐ và làm thủ tục về hưu trước tuổi đối với CBCNV-LĐ tại các đơn vị trực thuộc khó khăn trong sản xuất và tiêu thụ, các chế độ đối với người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ, đúng quy định.

4.Kế hoạch phát triển trong tương lai

Nhận định năm 2013 kinh tế Việt Nam chịu ảnh hưởng chung của kinh tế toàn cầu, tác động đến tình hình hoạt động và hiệu quả sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp, đặc biệt là các đơn vị sản xuất vật liệu xây dựng như sản xuất xi măng, xây lắp, kinh doanh cơ sở hạ tầng, chính vì thế Công ty tập trung đầu tư giải quyết những tồn tại của năm 2012, tập trung mọi nguồn lực cho sản xuất của Nhà máy xi măng Lam Thạch 2, nhằm đảm bảo năng suất, chất lượng, giảm giá thành sản phẩm, đẩy mạnh công tác mở rộng các kênh bán hàng (chú trọng thị trường xuất khẩu) nâng tỷ lệ tiêu thụ xi măng lên cao, rà soát, sắp xếp, cơ cấu lại bộ máy tổ chức và nhân lực từ Công ty đến các đơn vị trực thuộc

IV.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1.Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Tình hình kinh tế chung của cả nước trong năm 2012 được xem rất khó khăn việc hoạt động kinh doanh của Công ty không tránh khỏi tác động xấu từ tình hình nay. Nhiều chỉ tiêu kinh tế Công ty đã không hoàn thành kế hoạch, Nhưng nhờ sự nỗ lực, năng động của Ban điều hành và toàn thể CBCNV-LĐ, tất cả các khoản thu chi đều minh bạch, lành mạnh, hợp pháp và ghi chép đầy đủ, rõ ràng trong sổ sách kế toán, ngoài ra Công ty còn tham gia các hoạt động xã hội, vì cộng đồng và giáo dục cho CBCNV-LĐ thực hiện tốt, bên cạnh đó công tác bảo vệ về môi trường, vệ sinh an toàn lao động, các chính sách chăm lo đến quyền lợi cho người lao động được quan tâm và chấp hành đúng các quy định, qua các đợt kiểm tra các mặt hoạt động tại Công ty của các cơ quan chức năng đều được đánh giá cao.

2.Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty.

Ban Tổng giám đốc Công ty đã có sự chỉ đạo, điều hành sát sao các mặt hoạt động của Công ty, đảm bảo mục tiêu mà HĐQT đưa ra là phát triển bền vững, Ban Tổng giám đốc đã có những báo cáo kịp thời lên HĐQT Công ty để đưa ra các điều chỉnh về chiến lược khi tình hình thị trường có sự chuyển biến mới.

3.Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

V. Quản trị công ty:

1.Hội đồng quản trị

a)Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Danh sách Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh gồm đến ngày 31/12/2012.

1.	Ông: Cao Quang Duyệt	- Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty
2.	Ông: Đinh Đức Hiền	- TV HĐQT - Tổng giám đốc
3.	Ông: Phạm Văn Điện	- TV HĐQT - Phó Tổng giám đốc
4.	Bà: Đào Thị Đàm	- TV HĐQT - Không tham gia điều hành.
5.	Ông: Linh Thế Hưng	- TV HĐQT - Phó tổng giám đốc
6.	Ông: Nguyễn Trường Giang	- TV HĐQT - Giám đốc XN than Uông Bí

*** Tỷ lệ nắm giữ cổ phần của từng thành viên HĐQT (tính đến 31/12/2012)**

Họ và tên	Tổng số cổ phần	Nhà nước	Cá nhân
Cao Quang Duyệt	579.491		579.491
Đinh Đức Hiền	3.710.787	3.280.201	430.586
Phạm Văn Điện	226.325		226.325
Đào Thị Đàm	199.153		199.153
Nguyễn Trường Giang	144.926		144.926
Linh Thế Hưng	179.274		179.274

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

1. Tiểu ban Đầu tư phát triển:
2. Tiểu Ban sản xuất Xi măng:
3. Tiểu Ban tiêu thụ Xi măng:
4. Tiểu ban Tài chính:

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HDQT Công ty gồm 07 thành viên, đến ngày 11/5/2012, HDQT Công ty đã họp và thống nhất cho Ông Phạm Văn Chính xin thôi thành viên HDQT Công ty kể từ ngày 14/5/2012 (với lý do công việc cá nhân), đến nay HDQT gồm 6 thành viên (trong đó có 05 thành viên kiêm nhiệm) các thành viên HDQT đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc: Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban Tổng giám đốc về việc triển khai các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, quyết định của HDQT, xây dựng các đề án, dự án kinh doanh... Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban Tổng giám đốc, theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD, thông qua các báo cáo, văn bản....

Năm 2012, HDQT Công ty đã luôn chủ động phối hợp, hỗ trợ công tác điều hành trong quá trình chỉ đạo của Ban Tổng giám đốc, luôn tạo điều kiện thuận lợi để Ban Tổng giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Giám sát công tác chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã đề ra, đồng thời Chủ tịch HDQT tham gia các cuộc họp giao ban sản xuất Quý, năm với Ban Tổng giám đốc và các phòng ban, đơn vị để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tháng, quý, năm và có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp.

- Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh được kiểm tra, giám sát nhằm hạn chế rủi ro một cách tốt nhất.

- Tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 vào 16/4/2012 theo quy định.

- Thực hiện tạm ứng cổ tức 10% bằng tiền mặt năm 2011 theo Nghị quyết của HDQT.

- Ban hành kịp thời các Nghị quyết, quyết định, văn bản thuộc phạm vi thẩm quyền của HDQT.

- Giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung theo Nghị quyết HDQT, đảm bảo thực hiện tốt kế hoạch, nhiệm vụ đã được HDQT thông qua.

Hội đồng quản trị đã ban hành 33 văn bản các loại (gồm 6 Nghị quyết 26 văn bản tài liệu khác).

***Các nghị quyết của Hội đồng quản trị:**

I/ Nghị quyết số 05/NQ-HDQT ngày 22/02/2012:

1/ Thống nhất thông qua báo cáo tài chính năm 2011 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 (Có báo cáo kèm theo).

2/ Thống nhất việc tạm ứng cổ tức năm 2011 cho các cổ đông hiện hữu là: 10% bằng tiền mặt; thời gian thực hiện trong tháng 3 và tháng 4 năm 2012.

3/ Thống nhất triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012, thời gian dự kiến tổ chức trong tháng 4 năm 2012.

4/ Hội đồng quản trị thống nhất giao Tổng giám đốc Công ty triển khai một số công việc cụ thể như sau:

+ Tập trung toàn bộ nguồn lực về tài chính, nhân lực và các điều kiện thuận lợi nhất cho sản xuất, tiêu thụ Xi măng và Clinker (đặc biệt tại Nhà máy xi măng Lam Thạch II), đảm bảo ổn định sản xuất, đạt năng xuất, chất lượng sản phẩm.

+ Căn cứ yêu cầu và tình hình thực tế, chủ động triển khai đầu tư cho phù hợp đảm bảo hiệu quả của các dự án hạ tầng: Dự án khu dân cư Đông Yên Thanh - Phường Yên Thanh - Thành phố Uông Bí; Dự án khu dân cư tại Phường Bắc Sơn - Thành phố Uông Bí; Dự án mở rộng Khu trung tâm thương mại và dân cư Cầu Sến tại Phường Phương Đông - Thành phố Uông Bí.

+ Triển khai đầu tư hạng mục cảng xuất xi măng bao đường thủy (cảng Lam Thạch) thuộc dự án nghiên cứu xi măng, phục vụ cho công tác tiêu thụ sản phẩm.

+ Xây dựng lộ trình đầu tư dự án xây dựng Công trình Trung tâm Cầu Sến - Hạng mục Siêu thị Cầu Sến trình UBND Thành Phố Uông Bí.

+ Chỉ đạo Xí nghiệp Than Uông Bí thực hiện việc thu thập tài liệu địa chất Mỏ than Khối Nam Đông Trảng Bạch, triển khai đánh giá trữ lượng khoáng sản. Báo cáo trình Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt đầu tư.

5/ Hội đồng quản trị thống nhất cơ cấu kiện toàn lại bộ máy tổ chức Văn phòng Công ty theo đề xuất của Tổng giám đốc Công ty:

+ Sáp nhập phòng Hành Chính vào phòng Tổ Chức Lao Động Tiền Lương Công ty thành Phòng Tổ Chức Hành Chính Công ty kể từ ngày 01/03/2012.

+ Sáp nhập phòng Xuất Nhập Khẩu vào phòng Kế Hoạch Vật Tư Công ty kể từ ngày 01/03/2012.

+ Giao Tổng giám đốc bố trí sắp xếp nhân lực và tổ chức hoạt động của hai Phòng trên cho phù hợp với mô hình mới.

6/ Hội đồng quản trị thống nhất việc chi các Quỹ của Công ty từ 01/03/2012 do Hội đồng quản trị quyết định theo Quy chế phân cấp quản lý Công ty số: 78/QĐ-HĐQT ngày 12/07/2010.

II/ Nghị quyết số 20/NQ-HĐQT ngày 11/05/2012:

1/ Hội đồng quản trị Công ty thống nhất thông qua Báo cáo tài chính Quý I/2012 (Có báo cáo kèm theo).

2/ Hội đồng quản trị thống nhất các giải pháp của Tổng Giám đốc Công ty nhằm ổn định sản xuất, đảm bảo sản lượng, chất lượng sản phẩm, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2012 đã đề ra (đặc biệt đối với Nhà máy Xi măng Lam Thạch II) cụ thể như sau:

+ Tập trung tăng cường công tác tổ chức điều hành quản lý trong sản xuất, đồng thời nâng cao tinh thần trách nhiệm của mỗi cán bộ công nhân viên.

+ Thực hiện tiết kiệm chi phí trong sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.

+ Giám sát chặt chẽ chất lượng, giá cả hàng hóa vật tư đầu vào.

+ Kiểm tra, rà soát, bố trí sắp xếp bộ máy tổ chức nhân lực từ các phòng ban Công ty, các đơn vị trực thuộc đến các Tổ đội, phân xưởng sản xuất một cách hợp lý, đáp ứng yêu cầu công việc, phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh trong giai đoạn hiện nay.

+ Tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm xi măng, trong đó chú trọng thị trường xuất khẩu.

+ Tổ chức triển khai nghiên cứu và đưa vào áp dụng các đề tài sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, nhằm tiết giảm chi phí, tăng sản lượng, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.

+ Xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật, tiêu hao nguyên nhiên vật liệu một cách chính xác, có cơ chế khoán quản, thưởng phạt nghiêm minh trong việc thực hiện các định mức kinh tế kỹ thuật nhằm kích thích người lao động.

3/ Hội đồng quản trị thống nhất Giao cho Tổng giám đốc Công ty: Tập trung thi công hoàn thiện dự án nghiên xi măng, đảm bảo đúng tiến độ, chất lượng, đặc biệt là hệ thống đóng bao tự động và hệ thống xuất hàng đường thủy, nhằm đảm bảo chất lượng, hiệu quả khi xuất hàng bằng đường thủy.

4/ Đối với dự án hạ tầng, Hội đồng quản trị thống nhất giao Tổng giám đốc Công ty lựa chọn một dự án có tính khả thi nhất để thi công, đảm bảo Quý IV/2012 có thể đưa vào kinh doanh, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh năm 2012.

5/ Hội đồng quản trị Công ty thống nhất cho Ông Phạm Văn Điện - Phó tổng giám đốc Công ty thôi kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc Nhà máy Xi măng Lam Thạch II, đồng thời bổ nhiệm Ông Trần Ngọc Hưng hiện là Phó giám đốc Nhà máy Xi măng Lam Thạch II, giữ chức vụ Giám đốc Nhà máy Xi măng Lam Thạch II, kể từ ngày 01/07/2012.

6/ Hội đồng quản trị Công ty thống nhất cho Ông Phạm Văn Chính thôi đảm nhiệm chức danh Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh nhiệm kỳ 2010-2015, kể từ ngày 14/05/2012:

+ Lý do: Do cá nhân có đơn xin thôi vì quyền đại diện sở hữu vốn Nhà nước (SCIC) tại Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh được giao là người trực tiếp quản lý, nay đã được Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC) chuyển giao sang cho người khác đại diện quản lý và do điều kiện công việc mới không đủ thời gian tập trung cho nhiệm vụ Thành viên HĐQT Công ty.

7/ Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh Ninh có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông Công ty trong kỳ họp gần nhất về việc xin thôi đảm nhiệm chức danh thành viên Hội đồng quản trị của ông Phạm Văn Chính và thông qua việc bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty theo quy định.

III/ Nghị quyết số 26/NQ-HĐQT ngày 14/06/2012:

Trong năm 2011, khủng hoảng kinh tế thế giới cùng với sự cắt giảm chi tiêu của Nhà nước, giá cả thị trường không ổn định, dẫn đến sự suy giảm nhu cầu trên thị trường vật liệu xây dựng, kéo theo sự suy giảm về sản lượng sản xuất và tiêu thụ so với cùng kỳ năm 2010, lợi nhuận sau thuế của Công ty sụt giảm 52% so với cùng kỳ năm 2010. Trong quý I/2012, tình hình tiêu thụ Xi măng tuy có được cải thiện. Đồng thời, hoạt động xây lắp chỉ duy trì do các công trình vốn Ngân sách vẫn chưa triển khai nhiều. Những nguyên nhân này ảnh hưởng không nhỏ đến nguồn trả nợ các dự án trung - dài hạn của Công ty, đặc biệt là dự án Đầu tư mở rộng nhà máy xi măng Lam Thạch II - phân sản xuất Clinker. Do đó, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh 6/6 thành viên đã thống nhất biểu quyết thông qua các nội dung sau:

+ Đề nghị điều chỉnh kỳ hạn trả nợ và gia hạn nợ vay số tiền: 154.444.455.374 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi tư tỷ, bốn trăm bốn mươi bốn triệu, bốn trăm năm mươi lăm nghìn, ba trăm bảy mươi tư đồng*) vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam Chi nhánh Tây Nam Quảng Ninh theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 01/490581/2007/HĐ ngày 12/09/2007 để đầu tư mở rộng nhà máy Xi măng Lam Thạch II.

+ Lịch trả nợ cũ từ 25/08/2009 đến 15/05/2016, số tiền trả nợ 01 kỳ (3 tháng/kỳ): 9.590.649.089 đồng. Nợ lãi trả hàng tháng.

+ Lịch trả nợ mới từ 25/08/2009 đến 15/05/2019, số tiền trả nợ 01 kỳ (3 tháng/kỳ): 5.520.000.000 đồng. Nợ lãi trả hàng tháng.

IV/ Nghị quyết số 27/NQ-HĐQT ngày 14/09/2012:

1/ Hội đồng quản trị Công ty thống nhất thông qua Báo cáo tài chính Quý II/2012 đã được kiểm toán (Có báo cáo kèm theo).

2/ Hội đồng quản trị thống nhất các giải pháp của Tổng Giám đốc Công ty nhằm khắc phục khó khăn, ổn định sản xuất, đảm bảo sản lượng, chất lượng sản phẩm cụ thể:

+ Tiếp tục tập trung toàn lực cho sản xuất của Nhà máy Xi măng Lam Thạch II. Triển khai các giải pháp công nghệ, tiết kiệm chi phí trong sản xuất, giảm giá thành sản phẩm.

+ Tăng cường công tác quản lý, kiểm soát chặt chẽ chất lượng, giá cả hàng hóa vật tư đầu vào. Tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm xi măng, trong đó tập trung quan tâm tiêu thụ thị trường xuất khẩu và thị trường trong Tỉnh.

3/ Hội đồng quản trị thống nhất giao cho Tổng giám đốc Công ty: Tập trung quan tâm đến vấn đề công nghệ nâng cao hiệu quả và công tác quản lý, vận hành thiết bị của dây chuyền nghiền xi măng, mặt khác cần sử dụng phụ gia kết hợp với không chế độ mịn hợp lý nhằm giảm giá thành sản phẩm.

4/ Hội đồng quản trị thống nhất giao Tổng giám đốc triển khai giải quyết, sắp xếp bố trí lại lao động tại Nhà máy Xi măng Hà Tu, Nhà máy Xi măng Lam Thạch 1, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng và Phòng đầu tư Kinh doanh hạ tầng Công ty và các Phòng ban, đơn vị trong Công ty sao cho phù hợp với công việc, nhiệm vụ và hoạt động sản xuất kinh doanh thực tế hiện nay.

5/ Giao Tổng giám đốc Công ty điều chỉnh tiết giảm tiền lương đối với khối Văn phòng Công ty một cách hợp lý phù hợp với kết quả sản xuất kinh doanh hiện nay.

6/ Tập trung hoàn thành lắp đặt dây chuyền đá số 3 và đưa vào hoạt động trong năm 2012, đồng thời thống nhất chủ trương tiếp tục nghiên cứu triển khai đầu tư dây chuyền đá số 4.

V/ Nghị quyết số 29/NQ-HĐQT ngày 29/11/2012:

1/ Hội đồng quản trị thống nhất các giải pháp của Tổng Giám đốc Công ty cụ thể: Tiếp tục tập trung mọi nguồn lực (còn người và tài chính) đối với Nhà máy Xi măng Lam Thạch II như: Bố trí sắp xếp bộ máy nhân lực phù hợp, hiệu quả, tăng cường công tác điều hành quản lý sản xuất, thực hiện tiết giảm chi phí đầu vào, chi phí sửa chữa, chi phí quản lý, tiết kiệm năng lượng trong sản xuất, kiểm soát chặt chẽ chất lượng, giá cả hàng hóa vật tư nguyên nhiên vật liệu đầu vào, đổi mới cải tiến kỹ thuật công nghệ, nhằm ổn định sản xuất, đảm bảo tăng năng suất, ổn định chất lượng, giảm giá thành sản phẩm.

2/ Hội đồng quản trị thống nhất giao Tổng giám đốc Công ty thực hiện:

+ Tiếp tục rà soát điều động, sắp xếp lại toàn bộ nguồn nhân lực tại Văn phòng Công ty sao cho phù hợp với điều kiện sản xuất kinh doanh đang bị thu hẹp, riêng đối với những cán bộ nhân viên đã điều động về Phòng Đầu tư kinh doanh hạ tầng và Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Công ty cần điều động về các đơn vị cũ.

+ Tiếp tục thực hiện giải pháp tiết giảm các chi phí hành chính, chi phí quản lý, tiết giảm tiền lương đối với khối Văn phòng Công ty.

3/ Hội đồng quản trị Công ty thống nhất điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2012 do tình hình suy thoái kinh tế đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty cụ thể:

- + Sản xuất Xi măng và Clinker các loại: Kế hoạch 1,1 triệu tấn, điều chỉnh còn 970 ngàn tấn.
- + Sản xuất đá các loại: Kế hoạch 900 ngàn M³, điều chỉnh còn 800 ngàn M³.
- + Sản xuất san gạt bốc xúc vận chuyển đất đá: Kế hoạch 4,77 triệu M³, điều chỉnh còn 4,650 triệu M³.
- + Sản xuất than các loại: Kế hoạch 315 ngàn tấn, điều chỉnh 335 ngàn tấn.
- + Giá trị xây lắp và kinh doanh hạ tầng: Kế hoạch 353 tỷ đồng, điều chỉnh còn 308 tỷ đồng.
- + Tiêu thụ sản phẩm Xi măng và Clinker các loại: Kế hoạch 1,1 triệu tấn, điều chỉnh còn 965 ngàn tấn.
- + Tổng doanh thu toàn Công ty: Kế hoạch 1,700 tỷ đồng, điều chỉnh còn 1.568 tỷ đồng.
- + Trong đó Doanh thu Công ty mẹ: Kế hoạch 1,532 tỷ đồng, điều chỉnh còn 1.400 tỷ đồng.
- + Lợi nhuận trước thuế: Kế hoạch 26 tỷ đồng, điều chỉnh còn 7,5 tỷ đồng.
- + Nộp ngân sách: Kế hoạch 65 tỷ đồng, điều chỉnh còn 18 tỷ đồng.

4/ Hội đồng quản trị Công ty thống nhất thành lập Công ty cổ phần đá Núi Rùa (dự kiến vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng trở lên), trong đó Công ty cổ phần Xi măng và xây dựng Quảng Ninh góp vốn 51%. (quyền khai thác mỏ của QNCC chiếm 10%/vốn điều lệ).

5/ Hội đồng quản trị Công ty thống nhất thông qua các nội dung trên theo sự ủy quyền của Đại hội cổ đông quy định tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số: 19/NQ-HĐQT ngày 16/04/2012. Những nội dung liên quan đến quy định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty sẽ có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ Đại hội gần nhất.

V/ Nghị quyết số 31/NQ-HĐQT ngày 10/12/2012:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh 6/6 thành viên đã thống nhất biểu quyết thông qua các nội dung sau:

- 1/ Thống nhất ủy quyền cho Tổng giám đốc Công ty được ký hợp đồng vay vốn ngắn hạn cho sản xuất kinh doanh đến hết năm 2013.
- 2/ Hội đồng quản trị Công ty thống nhất thông qua chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2013 (có kế hoạch SXKD chi tiết kèm theo).
- 3/ Hội đồng quản trị Công ty thống nhất chủ trương chuyển nhượng Khách sạn Hồng Gai, với giá bán dự kiến ban đầu là 30 tỷ đồng.
- 4/ Hội đồng quản trị Công ty thống nhất chủ trương sẽ tiến hành cổ phần dần các đơn vị xây lắp trực thuộc Công ty dự kiến thực hiện trong năm 2013. (giao Ông Linh Thế Hưng - UVHĐQT Công ty lên phương án việc thực hiện cổ phần hóa đối với Xí nghiệp Xây dựng Hạ Long và Xí nghiệp Xây dựng Móng Cái, giao Ông Phạm Văn Điện - UVHĐQT Công ty lên phương án thực hiện cổ phần hóa đối với Xí nghiệp Xây dựng Uông Bí, báo cáo HĐQT Công ty xem xét phê duyệt).
- 5/ Hội đồng quản trị Công ty thống nhất thông qua các nội dung trên theo sự ủy quyền của Đại hội cổ đông quy định tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 số: 19/NQ-HĐQT ngày 16/04/2012. Những nội dung liên quan đến quy định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Công ty sẽ có trách nhiệm trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ Đại hội gần nhất.

Đánh giá chung: Trong bối cảnh nền kinh tế Thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng còn gặp nhiều khó khăn, hậu quả từ những bất ổn kinh tế, nhưng với nỗ lực cố gắng, vượt qua khó khăn thách thức của tập thể và CBCNV Công ty cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh, ổn định sản xuất, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành:

Đều tham dự đầy đủ các cuộc họp và các hoạt động của HĐQT, các thành viên đều tham gia xem xét, nghiên cứu và đóng góp ý kiến về các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT làm cơ sở để HĐQT ban hành các Nghị quyết, quyết định liên quan.

e) Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị:

(đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp).

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty trong năm: Không có.

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát:

Tỷ lệ nắm giữ cổ phần của từng thành viên BKS (tính đến 31/12/2012)

Họ và tên	Chức vụ	Tổng số cổ phần Năm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
Hoàng Văn Thụy	Trưởng BKS	73.958	0,40%
Nguyễn Ngọc Anh	TV BKS	20.240	0,11%
Trần Quang Tịnh	TV BKS	14.791	0,08%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Căn cứ vào Điều lệ Công ty Cổ phần xi măng và xây dựng Quảng Ninh về quyền hạn và trách nhiệm của Ban kiểm soát.

Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của mình, Ban kiểm soát duy trì họp định kỳ, kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực của các hoạt động sản xuất kinh doanh trong công tác kế toán và lập báo cáo tài chính, thẩm định báo cáo tình hình sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị trình Đại hội cổ đông. Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, kiến nghị biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Tham gia đầy đủ các cuộc họp thường kỳ hàng quý của Hội đồng Quản trị.

Trong năm 2012 Ban kiểm soát Công ty đã thực hiện tốt nhiệm vụ kiểm soát của mình cụ thể:

- Tham dự đầy đủ các phiên họp của HĐQT để theo dõi và giám sát hoạt động của HĐQT.
- Trưởng ban kiểm soát đã chỉ đạo các kiểm soát viên bám sát tình hình hoạt động, thực hiện công tác kiểm tra, hỗ trợ các phòng ban đơn vị hạch toán kế toán đúng quy định, đồng thời thực hiện chính sách với người lao động cũng như các hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị.
- Kịp thời tham mưu cho HĐQT Công ty về công tác tài chính, nhân sự và các chính sách đối với người lao động, đảm bảo nội bộ Công ty luôn đoàn kết.

- Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng tháng, quý, năm của đơn vị trước khi trình HĐQT, đồng thời phối hợp thường xuyên với đơn vị kiểm toán độc lập.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích của HĐQT và BKS:

+ Lương của Ban tổng giám đốc Công ty được hưởng theo Quy chế trả lương của Công ty do HĐQT quyết định.

+ Các thành viên HĐQT và BKS được hưởng thù lao theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2012 tỷ lệ không quá 1,5%/ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp:

Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền: Không.

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: không.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

Trong năm qua cổ đông nội bộ và những người có liên quan không có giao dịch gì (hợp đồng, hoặc giao dịch khác được ký kết) với Công ty và các công ty con.

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:

Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt việc quản trị theo các quy định của pháp luật, của cơ quan quản lý Nhà nước đối với Công ty niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, nhờ vậy đã khắc phục được những khó khăn do suy thoái kinh tế, tạo niềm tin cho các cổ đông và cho người lao động.

VI. Báo cáo tài chính

Một số chỉ tiêu Báo cáo tài chính riêng đã kiểm toán năm 2012.

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
		VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	1.497.073.481.461	1.557.855.569.770
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		1.497.073.481.461	1.557.855.569.770
4. Giá vốn hàng bán	21	1.301.983.329.972	1.259.867.800.662
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		195.090.151.489	297.987.769.108
6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	11.058.962.806	21.095.514.225
7. Chi phí tài chính	23	111.395.212.920	172.885.058.658
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>109.332.280.683</i>	<i>148.463.381.447</i>
8. Chi phí bán hàng	26	13.041.957.002	29.890.007.745
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	84.615.032.375	85.684.281.478
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(2.903.088.002)	30.623.935.452
11. Thu nhập khác	28	20.469.035.676	95.969.594.609
12. Chi phí khác	29	9.787.766.401	90.072.641.666
13. Lợi nhuận khác		10.681.269.275	5.896.952.943
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		7.778.181.273	36.520.888.395
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	3.274.074.986	9.988.541.400
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		4.504.106.287	26.532.346.995

* **Bảng cân đối kế toán:**

Tài sản	Mã chỉ tiêu	Thu yết min h	31/12/2012 VNĐ	01/01/2012 VNĐ
1	2	3	4	5
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.169.257.423.805	1.107.230.495.519
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		35.930.876.259	46.685.281.350
1. Tiền	111		35.930.876.259	46.685.281.350
2. Các khoản dự trữ tương đương	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Đầu tư ngắn hạn	121			
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	129			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		634.317.539.101	389.885.457.035
1. Phải thu của khách hàng	131		401.840.761.030	342.420.647.746
2. Trả trước cho người bán	132		13.574.731.780	14.427.648.277
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch chi trả xây dựng	134			
5. Các khoản phải thu khác	135		218.902.046.291	33.037.161.012
6. Dự phòng giảm giá các khoản phải thu ngắn hạn khác	139			
IV. Hàng tồn kho	140		274.627.692.159	512.943.197.637
1. Hàng tồn kho	141		274.627.692.159	512.943.197.637
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		224.381.316.286	157.716.559.497
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		82.472.923.651	63.889.160.475
2. Thu GTGT ứng trước	152		-	3.829.126.954
3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154		0	0
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		141.908.392.635	89.998.272.068
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.153.714.899.435	1.066.669.264.192
I. Các khoản phải thu dài hạn	210			10.890.589.801
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			9.509.439.676
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			1.381.150.125
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219			
II. Tài sản cố định	220		1.131.521.005.784	1.037.361.618.928
1. Tài sản cố định hữu hình	221		687.444.048.432	739.427.119.641
- Nguyên giá	222		1.283.104.063.171	1.253.618.849.276
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(595.660.014.739)	(514.191.729.635)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		1.535.630.929	2.446.186.151
- Nguyên giá	225		3.959.250.800	7.060.707.942
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.423.619.871)	(4.614.521.791)

3. Tài sản cố định vô hình	227	3.027.981.551	4.409.026.320
- Nguyên giá	228	9.422.705.652	11.275.655.652
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(6.394.724.101)	(6.866.629.332)
4. Chi phí XDCB dở dang	230	439.513.344.872	291.079.286.816
III. Bất động sản đầu tư	240		
- Nguyên giá	241		
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	15.826.363.820	16.626.363.820
1. Đầu tư vào công ty con	251	10.130.641.894	10.130.641.894
2. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	252		
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.695.721.926	6.495.721.926
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		
V. Tài sản dài hạn khác	260	6.367.529.831	1.790.691.643
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.895.534.994	1.429.754.415
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268	471.994.837	360.937.228
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	2.322.972.323.240	2.173.899.759.711
NGUỒN VỐN			
A - NỢ PHẢI TRẢ	300	2.113.308.314.689	1.948.583.862.227
I- Nợ ngắn hạn	310	1.167.721.996.838	997.588.366.130
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	635.456.656.967	565.730.322.502
2. Phải trả người bán	312	327.947.845.543	211.889.109.920
3. Người mua trả tiền trước	313	9.863.151.542	7.502.999.162
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	31.730.677.740	12.038.222.991
5. Phải trả người lao động	315	10.219.492.617	15.185.456.374
6. Chi phí phải trả	316	2.628.627.928	3.717.147.920
7. Phải trả nội bộ	317	0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hàng xây dựng	318	0	0
9. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	149.439.850.622	179.965.641.882
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	0	0
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	435.693.879	1.559.465.379
II. Nợ dài hạn	330	945.586.317.851	950.995.496.097
1. Phải trả dài hạn người bán	331		
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		
3. Phải trả dài hạn khác	333	85.800.516.866	35.610.366.464
4. Vay và nợ dài hạn	334	827.764.362.162	880.577.210.908
5. Thu nhập hoãn lại phải trả	335		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	5.002.816.874
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	32.021.438.823	29.805.101.851
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	209.664.008.551	225.315.897.484
I. Vốn chủ sở hữu	410	209.664.008.551	225.315.897.484

1. Vốn đầu tư c a ch s hệ	411	184.511.090.000	184.511.090.000
2. Thđng dự vốn cấ p n	412	2.918.390.480	2.918.390.480
3. Vốn khđc c a ch s hệ	413		
4. Cấ phi u qu	414	(1.894.390.964)	(1.894.390.964)
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		
6. Ch nh l ch tỷ giỷ hối oỷi	416		
7. Qu u tư phát triển	417	3.298.281.554	3.298.281.554
8. Quỷ dự phòng tài chính	418	11.554.687.565	11.554.687.565
9. Qu khđc thuộc vốn ch s hệ	419	0	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	8.595.771.916	24.247.660.849
11. Ngu n vốn u t XDCB	421	680.178.000	680.178.000
12. Qu hỗ tr sắ p x p doanh nghi p	422		
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		
1. Ngu n kinh phí	432		
2. Ngu n kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440	2.322.972.323.240	2.173.899.759.711
1. Tài sản thuê ngoài	01		
2. VỐt t hàng hoá nhận giữ hộ , nhận gia công	02		
3. Hàng hoá nhận bán hộ . nhận ký gửi , ký c c	03		
4. N kh Đĩ x lý	04		
5. Ngoại t cđc loại	05		
- USD		16.634.597,60	17.454.564,53
- EURO		6.650.000,00	6.597.927,00
6. Dự toỷn chi sự nghi p , dự ỷn	06		

*** Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ:**

Số tt	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thu yết min h	Năm 2012	Năm 2011
I	Lưu chuyển tiền tệ từ HĐSXKD				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khđc	01		1.577.511.131.087	1.617.599.448.252
2	Tiủn chi trả cho người cung cấp hàng hóa dịch v	02		(524.152.210.560)	(145.641.485.487)
3	Tiủn chi tr cho người lao ộng	03		(106.725.932.822)	(111.963.283.487)
4	Tiủn chi tr l i vay	04		(110.554.493.175)	(172.161.472.162)
5	Tiủn chi nộp thu thu nhốp doanh nghi p	05		(1.600.000.000)	(11.670.156.666)
6	Tiủn thu khđc t hoạt ộng kinh doanh	06		417.784.891.185	127.651.032.672
7	Tiủn chi khđc cho cđc hoạt ộng kinh doanh	07		(1.162.299.356.961)	(1.521.498.291.375)
	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐSXKD	20		89.964.028.754	(217.684.208.253)
II	Lưu chuyển tiền tệ từ HĐ đầu tư				0

1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(104.820.344.389)	(103.884.402.310)
2	Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	460.545.455	19.706.068
3	Tiền chi cho vay, mua cyclic công cụ tài chính ngắn hạn	23	-	(2.868.973.724)
4	Tiền thu từ lãi vốn cho vay, bán lại cyclic công cụ tài chính ngắn hạn	24	-	1.911.745.866
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	0
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	800.000.000	0
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	542.575.956	9.101.966.506
	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ đầu tư	30	(103.017.222.978)	(95.719.957.594)
III	Lu chuyển tiền tệ từ HĐ tài chính			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận VG công cụ tài chính	31		
2	Tiền chi trả vốn góp cho cyclic công cụ tài chính, mua lại cổ phiếu của DN đã phát hành	32		
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.215.022.470.972	1.280.058.972.071
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.196.723.539.185)	(985.876.804.647)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(919.677.335)	(8.198.712.333)
6	Cắt giảm, miễn nợ cho cyclic công cụ tài chính	36	(14.942.786.580)	(14.342.750.951)
	Lưu chuyển tiền thuần từ HĐ tài chính	40	2.436.467.872	271.640.704.140
IV	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	-10.616.726.352	(41.763.461.707)
V	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	46.685.281.350	88.434.382.889
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-137.678.739	14.360.168
VI	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	35.930.876.259	46.685.281.350

• TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;

- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

- **Ý KIẾN KIỂM TOÁN:**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh được lập ngày 15 tháng 03 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 5 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thử nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và các xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở pháp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Số : 249/2013/BC.KTTC-AASC.QN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012
của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh

Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh được lập ngày 15 tháng 03 năm 2013 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày từ trang 5 đến trang 32 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra và áp dụng các thủ nghiệm cần thiết theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và các xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở pháp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng và Xây dựng Quảng Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)



Nguyễn Quốc Dũng
Chứng chỉ KTV số : 0285/KTV

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2013

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Hải Hương
Chứng chỉ KTV số : 1126/KTV

2. Toàn văn Báo cáo thường niên năm 2013, Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2012 được kiểm toán đã được công bố thông tin theo quy định và đăng tải trên trang điện tử Công ty CP Xi măng và xây dựng Quảng Ninh: www.qncc.com.vn ./.

Nơi nhận:

- Ủy ban CK Nhà nước;
- Sở GD&ĐT Hà Nội;
- Trung tâm Lưu ký CK Việt Nam;
- Lưu VP.

NGƯỜI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CÔNG TY

T/M HĐQT CÔNG TY

Chủ tịch



Cao Quang Duyệt